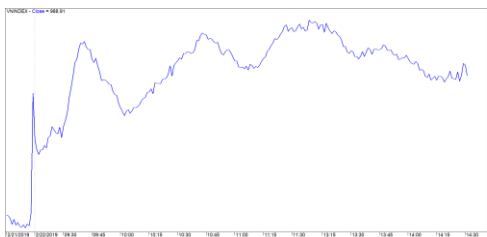


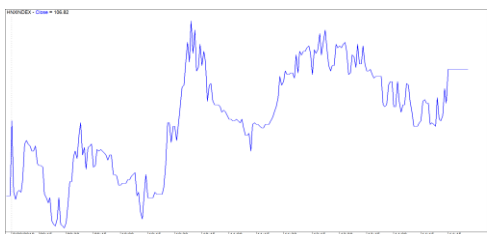
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	988.91	106.82	55.55
% ngày	0.14%	0.67%	0.02%
% tuần	4.00%	0.67%	0.56%
% tháng	9.08%	4.17%	3.14%
% năm	-8.99%	-14.82%	-6.04%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,655	534	912
TB 1 tuần	4,361	491	420
TB 1 tháng	3,456	381	329
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	691.49	26.21	63.66
Bán	629.42	17.41	666.61
Giá trị ròng	62.07	8.80	-602.95
Độ rộng TT			
Mã Tăng	145	82	145
Mã Giảm	150	63	113
Không Đổi	88	239	596
Chỉ số chính			
P/E	16.87	9.75	17.12
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,239	198	977
LS Cổ tức	2.47%	3.97%	4.73%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Cuối tuần vừa rồi khi những thỏa thuận của hiệp định giữa Mỹ và Trung đang dần có sự tiến triển nên ảnh hưởng trực tiếp lên tâm lý của các nhà đầu tư. Diễn biến tích cực lan tỏa cả thị trường Châu Á khi thị trường Trung Quốc, Hongkong, Taiwan tăng khá tốt có một vài thị trường giảm điểm nhẹ như Nhật Bản và Singapore.

Sau nhiều phiên tăng điểm liên tiếp, tính từ phiên ngày 01/02/2019 đến nay chỉ số VN-Index đã tăng gần 9% tại mốc 908 điểm và đến nay là 989 điểm. Với mức thanh khoản trung bình trong tháng 02/2019 cũng có tăng vượt trội hơn 53% so với tháng 01/2019. Trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index và Upcom-Index vẫn chốt cuối phiên ở mức giá tăng.

Khối ngoại trên sàn HSX và HNX vẫn duy trì lượng mua ròng đều đặn với tổng lượng mua ròng trong phiên lên đến hơn 70 tỷ đồng. Duy chỉ trên sàn Upcom có sự đột biến từ mã IDC khi bị khối ngoại rút ròng hơn 605 tỷ đồng. Nếu như loại trừ khoảng đột biến này thì cả ba sàn vẫn duy trì lượng mua ròng. Tuy nhiên việc mua bán của khối ngoại có dấu hiệu giảm nhẹ so với phiên trước.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ điều chỉnh trong các phiên giao dịch đầu tuần và mức hỗ trợ gần nhất là mức 967 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, áp lực điều chỉnh vẫn có chiều hướng gia tăng và mức độ phân hóa tăng dần, đặc biệt tâm lý nhà đầu tư vẫn tiếp tục tỏ ra thận trọng cho thấy đà tăng đang có dấu hiệu suy yếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục có chiều hướng giảm cho thấy mức độ phân hóa đang diễn ra.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức chốt ở mức 959.49 điểm của chỉ số VN-Index và 104.05 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục cơ cấu lại danh mục và hạ dần tỷ trọng về mức khuyến nghị, đặc biệt dừng mua ở thời điểm hiện tại.

Theo đồ thị tuần, dòng tiền trung hạn đã có chuyển biến tích cực hơn và mô hình tăng giá cũng đã được xác nhận trên chỉ số VN-Index và VN30-Index. Đồng thời, hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi nâng mức xu hướng trung hạn của chỉ số VN-Index từ GIẢM lên TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể xem xét tăng dần tỷ trọng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 66% cổ phiếu/34% tiền mặt.

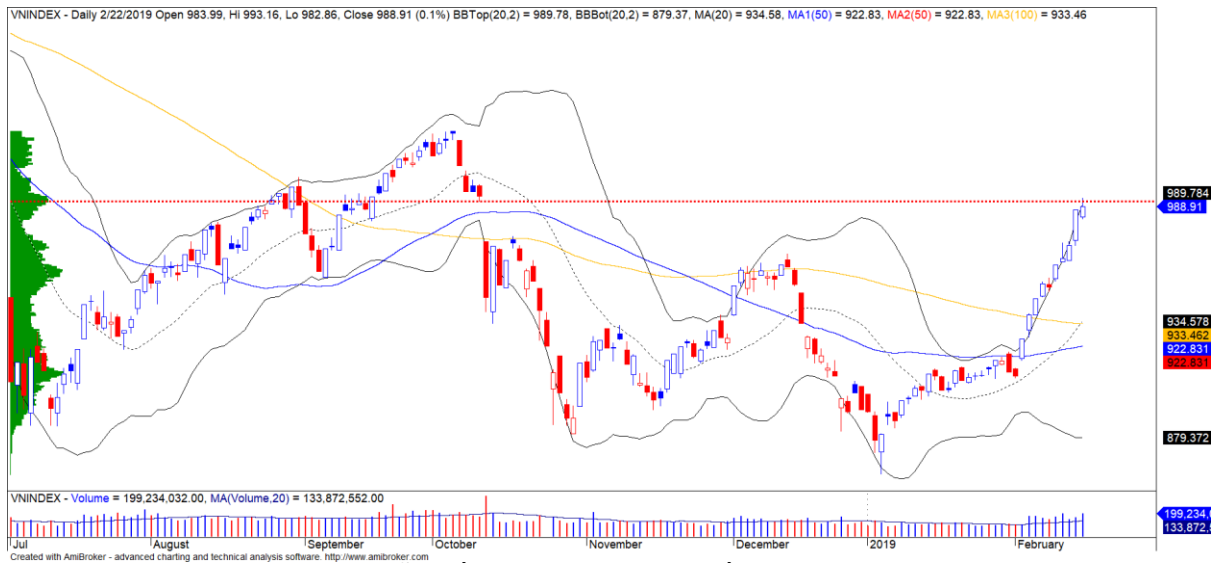
Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 34% cổ phiếu/66% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

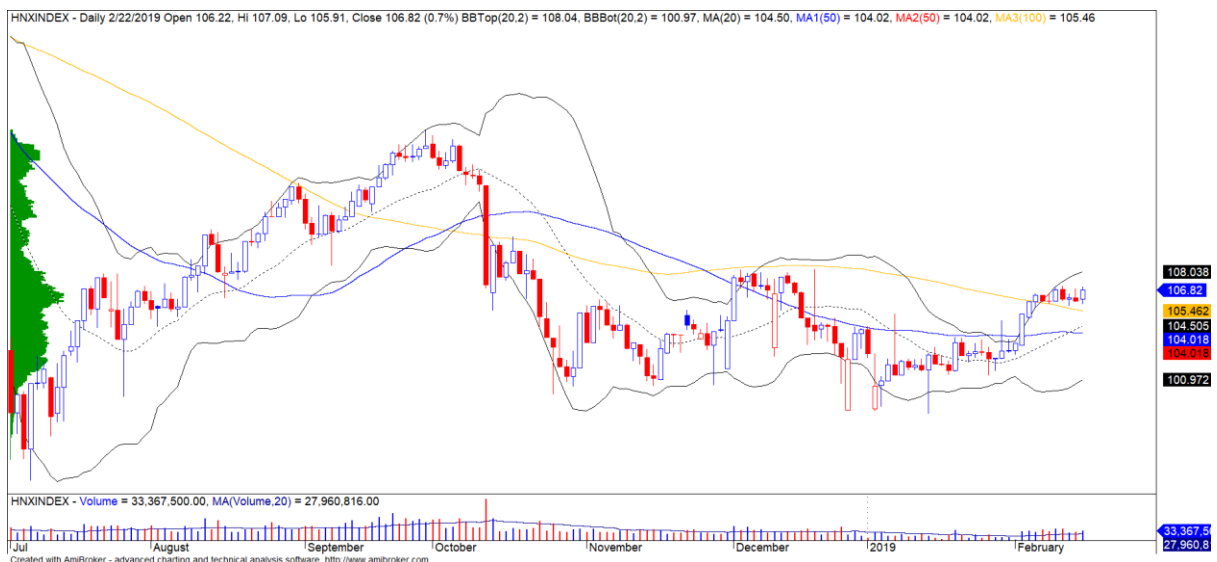


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	972	1,025	897	780
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	110	117	100	96
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	946	995	865	768
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,020	1,079	925	971
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	GIẢM	815	835	789	769

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15,250	TĂNG	GIẢM	15,400	14,868	-0.97%			16,605		
ACB	30,500	TĂNG	GIẢM	30,200	29,123	0.99%			33,291		
ACV	88,300	TĂNG	TĂNG	88,300	86,182	0.00%		90,000	76,780	-1.89%	
ANV	27,950	TĂNG	GIẢM	27,200	27,471	2.76%			31,024		
ASM	8,180	GIẢM	GIẢM		8,790				9,351		
BFC	21,300	GIẢM	GIẢM		23,201				25,187		
BID	34,000	TĂNG	TĂNG	33,150	32,613	2.56%		33,400	29,888	1.80%	
BMP	49,000	TĂNG	GIẢM	50,800	48,075	-3.54%			54,542		
BSR	14,100	TĂNG	GIẢM	13,100	13,581	7.63%			15,250		
BVH	96,500	TĂNG	TĂNG	94,400	92,411	2.22%		86,000	88,082	12.21%	
BWE	24,300	GIẢM	TĂNG		25,537			20,000	22,133	21.50%	
CEO	13,300	TĂNG	GIẢM	13,500	13,076	-1.48%			14,755		
CHP	23,100	TĂNG	TĂNG	21,450	22,318	7.69%		23,000	20,585	0.43%	
CII	22,700	GIẢM	GIẢM		24,158				26,172		
CMX	15,800	TĂNG	TĂNG	15,150	15,640	4.29%		5,910	13,022	167.34%	
CSM	14,650	GIẢM	TĂNG		15,312			14,390	13,911	1.80%	
CTD	134,200	GIẢM	GIẢM		139,941				152,745		
CTG	21,100	TĂNG	GIẢM	19,550	19,817	7.93%			22,209		
CTI	24,800	GIẢM	TĂNG		25,837			26,850	23,186	-7.64%	
CVT	22,700	TĂNG	TĂNG	19,900	21,783	14.07%		22,550	18,860	0.67%	
DCM	9,130	TĂNG	GIẢM	9,200	8,877	-0.76%			9,978		
DGC	43,000	TĂNG	GIẢM	44,000	41,659	-2.27%			47,020		
DGW	24,300	TĂNG	GIẢM	23,300	23,113	4.29%			25,127		
DHA	33,150	TĂNG	TĂNG	32,250	31,350	2.79%		29,100	28,741	13.92%	
DHC	33,800	TĂNG	GIẢM	32,700	31,301	3.36%			34,601		
DHG	102,000	TĂNG	TĂNG	77,500	91,196	31.61%		93,000	78,754	9.68%	
DIG	16,450	TĂNG	GIẢM	16,000	16,126	2.81%			17,064		
DPG	44,500	GIẢM	GIẢM		47,521				52,441		
DPM	20,900	GIẢM	TĂNG		23,353			19,400	20,291	7.73%	
DPR	39,000	TĂNG	TĂNG	32,600	37,441	19.63%		35,950	34,151	8.48%	
DQC	26,800	TĂNG	TĂNG	27,700	25,803	-3.25%		31,000	26,186	-13.55%	
DRC	22,050	GIẢM	GIẢM		22,235				24,379		
DXG	24,450	TĂNG	GIẢM	24,700	23,916	-1.01%			26,665		
EIB	16,800	GIẢM	TĂNG		18,301			14,700	16,280	14.29%	
FCN	14,200	TĂNG	GIẢM	13,900	13,960	2.16%			15,658		
FMC	29,500	GIẢM	TĂNG		32,116			24,700	27,888	19.43%	
FPT	45,200	TĂNG	GIẢM	42,800	43,257	5.61%			45,324		
GAS	99,300	TĂNG	GIẢM	89,900	92,775	10.46%			100,384		
GEX	23,650	TĂNG	GIẢM	22,600	22,726	4.65%			24,673		
GIL	39,400	TĂNG	TĂNG	35,950	39,178	9.60%		39,000	35,205	1.03%	

We Create Fortune

GMD	27,450	TĂNG	GIẢM	27,500	26,546	-0.18%		29,123		
GTN	11,350	TĂNG	GIẢM	10,400	11,280	9.13%		11,796		
HAG	5,490	TĂNG	GIẢM	5,080	5,208	8.07%		5,603		
HAX	16,900	TĂNG	GIẢM	17,200	16,310	-1.74%		17,965		
HBC	18,100	TĂNG	GIẢM	16,800	17,500	7.74%		19,374		
HCM	28,000	TĂNG	TĂNG	46,700	26,439	-40.04%	28,000	26,547	0.00%	MUA
HDB	30,100	GIẢM	GIẢM		30,706			33,267		
HDC	14,100	GIẢM	GIẢM		14,636			14,709		
HDG	37,000	TĂNG	TĂNG	35,950	35,814	2.92%	37,400	32,450	-1.07%	
HNG	15,700	TĂNG	GIẢM	15,100	14,617	3.97%		16,554		
HPG	33,900	TĂNG	TĂNG	29,500	30,457	14.92%	33,900	32,928	0.00%	MUA
HSG	7,970	TĂNG	GIẢM	6,860	7,204	16.18%		8,479		
HT1	15,350	TĂNG	TĂNG	14,150	15,167	8.48%	14,800	13,246	3.72%	
HUT	3,500	GIẢM	GIẢM		3,753			4,342		
HVN	39,100	GIẢM	TĂNG		40,638		39,000	34,635	0.26%	
KBC	14,600	TĂNG	TĂNG	14,250	14,175	2.46%	13,450	12,691	8.55%	
KDH	31,000	TĂNG	TĂNG	31,200	30,334	-0.64%	33,000	28,018	-6.06%	
KSB	25,600	TĂNG	GIẢM	26,300	25,416	-2.66%		27,640		
LCG	9,000	TĂNG	TĂNG	8,230	8,713	9.36%	9,200	7,868	-2.17%	
LDG	14,050	GIẢM	GIẢM	14,750	14,152	-4.05%	BÁN	16,835		
LHG	19,750	TĂNG	GIẢM	19,100	18,974	3.40%		20,947		
LPB	9,100	TĂNG	GIẢM	9,100	8,663	0.00%		9,825		
LSS	6,050	GIẢM	GIẢM		6,559		7,890	6,353	-19.48%	BÁN
MBB	22,500	TĂNG	TĂNG	19,750	21,421	13.92%	21,850	19,348	2.97%	
MPC	47,100	TĂNG	TĂNG	41,100	45,607	14.60%	47,500	39,770	-0.84%	
MSN	88,400	TĂNG	GIẢM	82,300	84,428	7.41%		88,530		
MSR	19,300	TĂNG	GIẢM	18,700	18,783	3.21%		20,804		
MWG	89,000	TĂNG	GIẢM	86,200	85,155	3.25%		92,376		
NDN	12,200	TĂNG	GIẢM	12,500	11,773	-2.40%		13,356		
NKG	7,700	TĂNG	GIẢM	6,580	7,053	17.02%		7,821		
NLG	27,200	TĂNG	GIẢM	26,100	26,069	4.21%		28,488		
NT2	28,200	GIẢM	TĂNG		30,469		25,900	26,826	8.88%	
NTL	18,500	TĂNG	TĂNG	19,200	18,084	-3.65%	10,450	15,978	77.03%	
OIL	15,000	TĂNG	GIẢM	14,900	14,476	0.67%		16,188		
PAC	36,000	GIẢM	GIẢM		37,596			40,410		
PC1	23,050	GIẢM	GIẢM	23,900	23,690	-0.88%	BÁN	25,195		
PDR	26,600	TĂNG	GIẢM	26,150	25,744	1.72%		27,684		
PHR	40,500	TĂNG	TĂNG	29,300	37,655	38.23%	24,000	31,895	68.75%	
PLX	58,500	TĂNG	GIẢM	55,700	55,698	5.03%		60,986		
PNJ	99,100	TĂNG	GIẢM	94,200	95,726	5.20%		101,983		
POW	16,200	GIẢM	TĂNG	14,300	16,379	14.54%	BÁN	16,550	14,933	-2.11%
PPC	23,200	TĂNG	TĂNG	18,550	22,368	25.07%	19,700	21,245	17.77%	
PTB	60,000	TĂNG	TĂNG	60,200	58,605	-0.33%	64,000	56,808	-6.25%	
PVD	17,650	TĂNG	GIẢM	15,500	16,615	13.87%		17,923		
PVI	33,200	TĂNG	TĂNG	32,900	32,654	0.91%	33,000	30,008	0.61%	
PVS	20,300	TĂNG	GIẢM	18,900	18,836	7.41%		20,919		

We Create Fortune

PXS	3,970	GIẢM	GIẢM		4,302			4,874		
QNS	43,300	TĂNG	TĂNG	42,000	42,441	3.10%		41,500	3,425	4.34%
REE	35,500	TĂNG	TĂNG	31,100	34,359	14.15%		35,100	31,219	1.14%
SAB	247,000	TĂNG	TĂNG	244,000	238,392	1.23%		245,000	227,704	0.82%
SAM	7,400	TĂNG	TĂNG	7,090	7,245	4.37%		7,400	6,782	0.00%
SCR	7,460	GIẢM	GIẢM		7,771			8,128		
SHI	8,590	TĂNG	TĂNG	6,850	8,067	25.40%		6,990	7,111	22.89%
SJS	22,000	TĂNG	TĂNG	18,800	20,682	17.02%		18,100	18,715	21.55%
SKG	14,850	GIẢM	GIẢM		15,371			17,466		
SSI	28,250	TĂNG	GIẢM	26,900	26,775	5.02%		29,029		
STB	13,050	TĂNG	TĂNG	11,700	12,527	11.54%		13,000	11,265	0.38%
TCB	27,700	TĂNG	GIẢM	25,800	26,701	7.36%		N/A		
TCM	29,600	TĂNG	TĂNG	24,350	27,610	21.56%		28,000	24,042	5.71%
TDH	10,500	TĂNG	GIẢM	10,300	10,318	1.94%		11,264		
TLH	4,700	TĂNG	GIẢM	5,000	4,597	-6.00%		5,686		
TNG	18,900	TĂNG	TĂNG	18,000	18,340	5.00%		12,000	15,302	57.50%
VCB	62,000	TĂNG	TĂNG	55,000	57,965	12.73%		62,000	59,813	0.00%
VCG	27,500	TĂNG	TĂNG	25,100	25,703	9.56%		19,200	19,701	43.23%
VFG	37,100	GIẢM	TĂNG	39,000	37,463	-3.94%	BÁN	34,394	34,815	7.87%
VGC	20,600	TĂNG	TĂNG	16,300	19,474	26.38%		19,100	17,592	7.85%
VGT	11,700	TĂNG	GIẢM	11,600	11,433	0.86%		13,091		
VHC	91,600	GIẢM	GIẢM		97,189			105,200		
VHM	93,100	TĂNG	TĂNG	76,600	87,802	21.54%		80,000	71,219	16.38%
VIB	18,900	TĂNG	GIẢM	18,000	18,407	5.00%		19,666		
VIC	117,000	TĂNG	TĂNG	109,100	112,589	7.24%		112,000	95,601	4.46%
VIP	7,350	TĂNG	TĂNG	7,000	6,914	5.00%		7,350	7,277	0.00%
VJC	121,500	GIẢM	GIẢM		122,619			130,367		
VND	17,400	TĂNG	GIẢM	16,800	16,550	3.57%		18,694		
VNG	21,600	TĂNG	TĂNG	18,301	21,399	18.02%		16,008	19,906	34.94%
VNM	148,900	TĂNG	TĂNG	131,000	141,540	13.66%		140,200	125,061	6.21%
VPB	21,350	TĂNG	GIẢM	20,200	20,441	5.69%		22,887		
VPI	41,250	GIẢM	GIẢM		41,972			43,124		
VRC	17,300	GIẢM	GIẢM		18,488			19,388		
VRE	35,000	TĂNG	TĂNG	30,400	31,132	15.13%		35,000	32,589	0.00%
VSC	44,400	TĂNG	GIẢM	42,700	42,750	3.98%		45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	988.91	0.14%
VN30	929.50	0.37%
VN Mid	992.18	0.29%
VN Small	788.21	-0.23%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.82	0.67%
HN30	194.80	0.45%
VNX AllSh	898.15	0.12%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.55	0.02%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	691.49	
Bán	629.42	
GT rỗng	62.07	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	26.21	
Bán	17.41	
GT rỗng	8.80	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	63.66	
Bán	666.61	
GT rỗng	-602.95	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HSG	520	6.98%
HVG	340	6.84%
TCH	1250	5.32%
DHG	4500	4.62%
IJC	370	4.31%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DP3	2500	3.68%
TV2	4100	3.31%
DHT	1100	2.88%
PVS	500	2.53%
SHB	100	1.33%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SDI	3700	7.06%
C4G	300	3.53%
MIG	300	2.29%
NTC	2300	2.22%
QNS	500	1.17%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DPM	-1000	-4.57%
FMC	-1150	-3.75%
VHM	-3600	-3.72%
BFC	-700	-3.18%
HT1	-500	-3.15%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TVC	-300	-2.26%
TNG	-300	-1.56%
VGC	-300	-1.44%
VCG	-300	-1.08%
VCS	-500	-0.78%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIB	-400	-2.07%
VGT	-200	-1.68%
ACV	-1400	-1.56%
BSR	-200	-1.40%
MPC	-600	-1.26%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	373,420	
VHM	311,840	
VNM	259,296	
VCB	229,950	
GAS	190,055	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,039	
VCG	12,147	
VCS	9,988	
PVS	9,703	
VGC	9,236	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	192,896	
MCH	66,901	
VEA	64,234	
HVN	55,129	
BSR	43,485	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
AMD	13,631,480	3,514,489
CTG	13,237,550	6,335,953
HSG	11,259,180	2,788,590
HPG	8,619,150	5,810,752
MBB	7,480,170	6,152,868

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	5,810,473	4,887,085
PVS	5,460,287	3,243,141
ACB	3,974,330	1,721,247
SHS	2,963,272	621,927
PVX	2,089,368	351,505

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
IDC	28,937,086	506,218
BSR	1,749,016	1,513,458
VEA	1,279,175	542,852
VGT	1,264,240	2,739,139
HVN	982,187	695,587

Nguồn: Bloomberg & YSVN

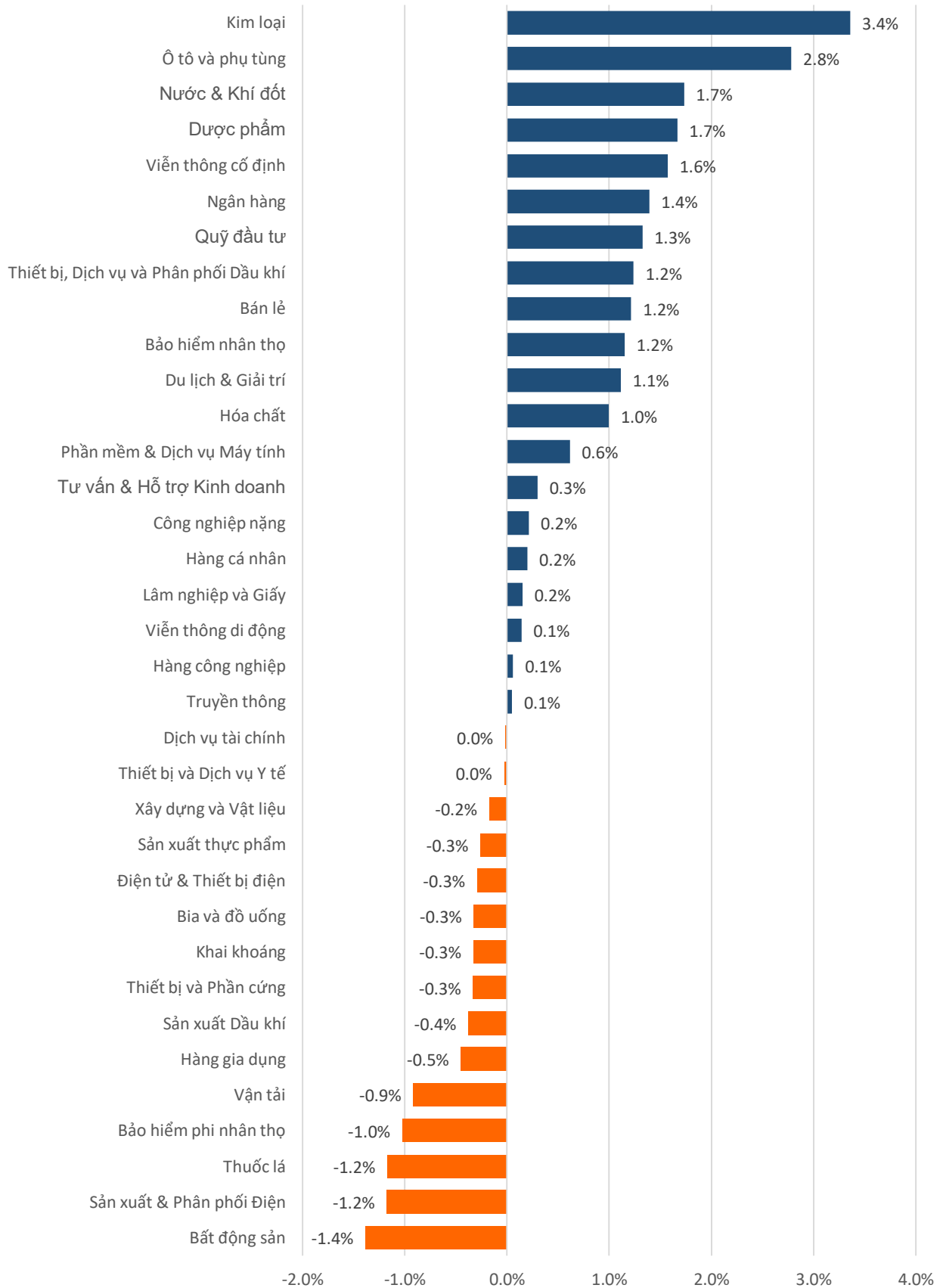
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



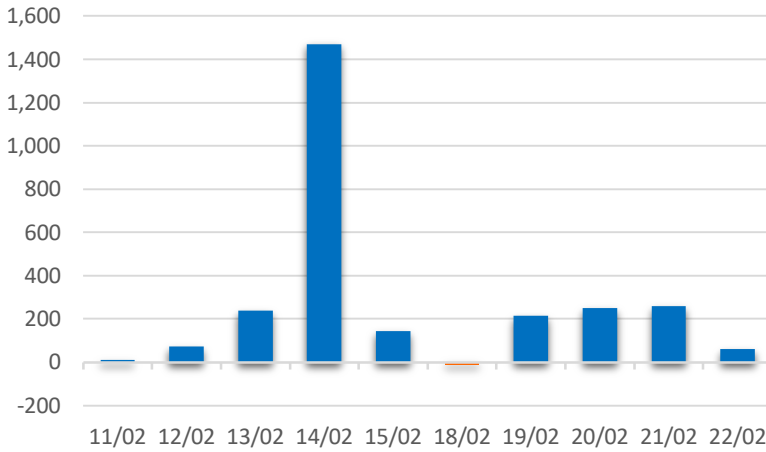
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

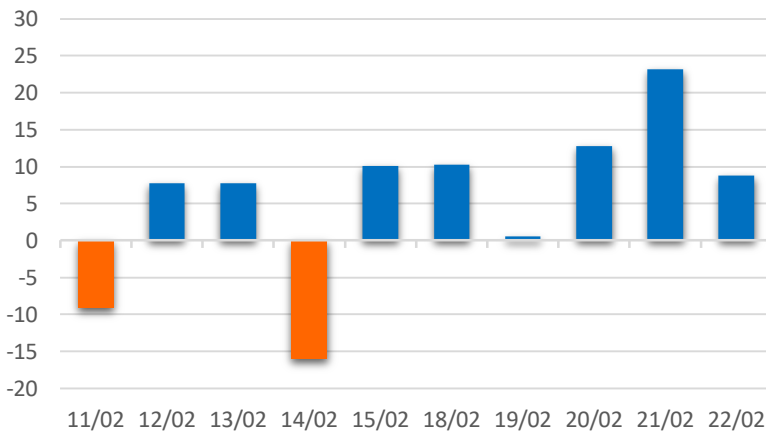
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	57,992	VJC	58,521
MSN	39,178	VHM	37,076
SSI	37,372	DHG	22,270
HPG	29,487	TRA	18,478
E1VFN30	29,126	VIC	17,500

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

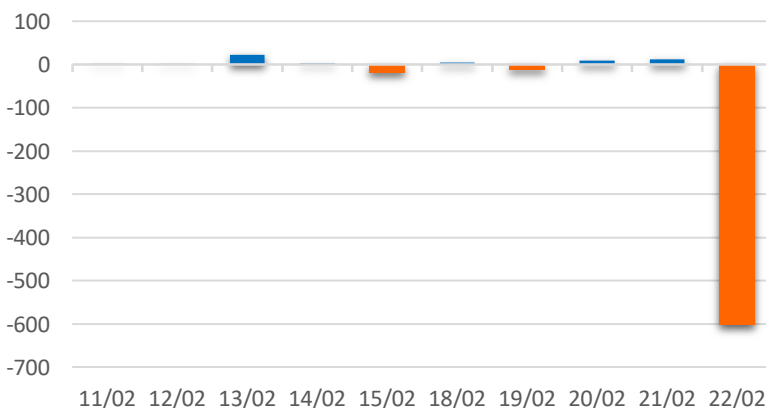
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	23,048	VGC	8,886
NRC	71	SHS	2,009
HMH	61	CEO	1,226
APS	45	BVS	533
IDV	44	INN	373

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HVN	1,947	IDC	605,449
QNS	1,693	OIL	1,286
BSR	860	LTG	1,076
VGI	655	GEG	448
VEA	534	ACV	445

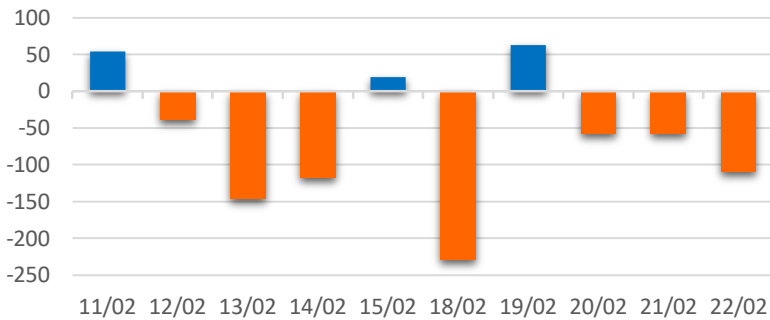
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

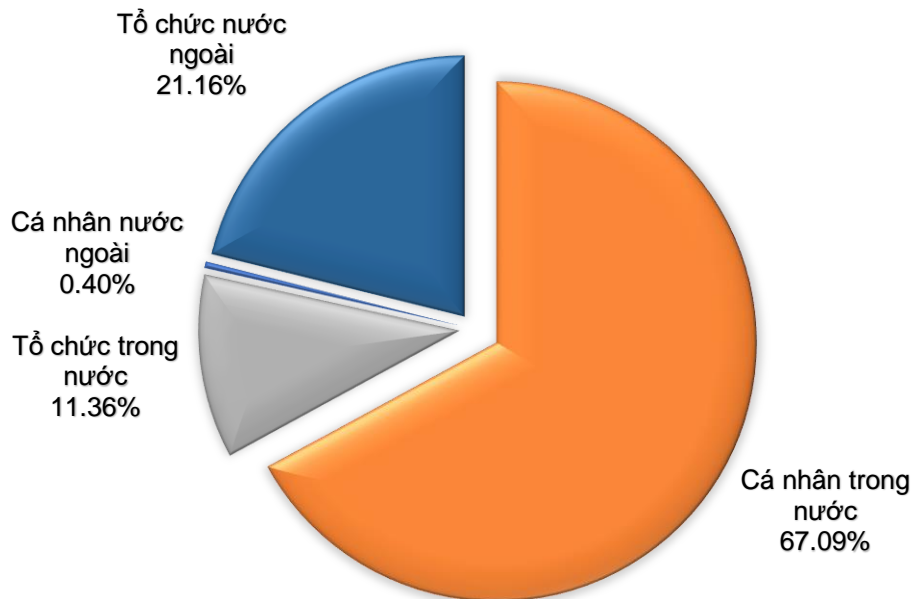
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng
(tỷ đồng)



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
HPG	17,888	VHM	71,766
VIC	8,583	E1VFN30	29,296
VHM	7,509	TCB	14,605
DIG	4,951	CTG	9,676
REE	3,306	MBB	7,448

Top 5 các mã đặt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

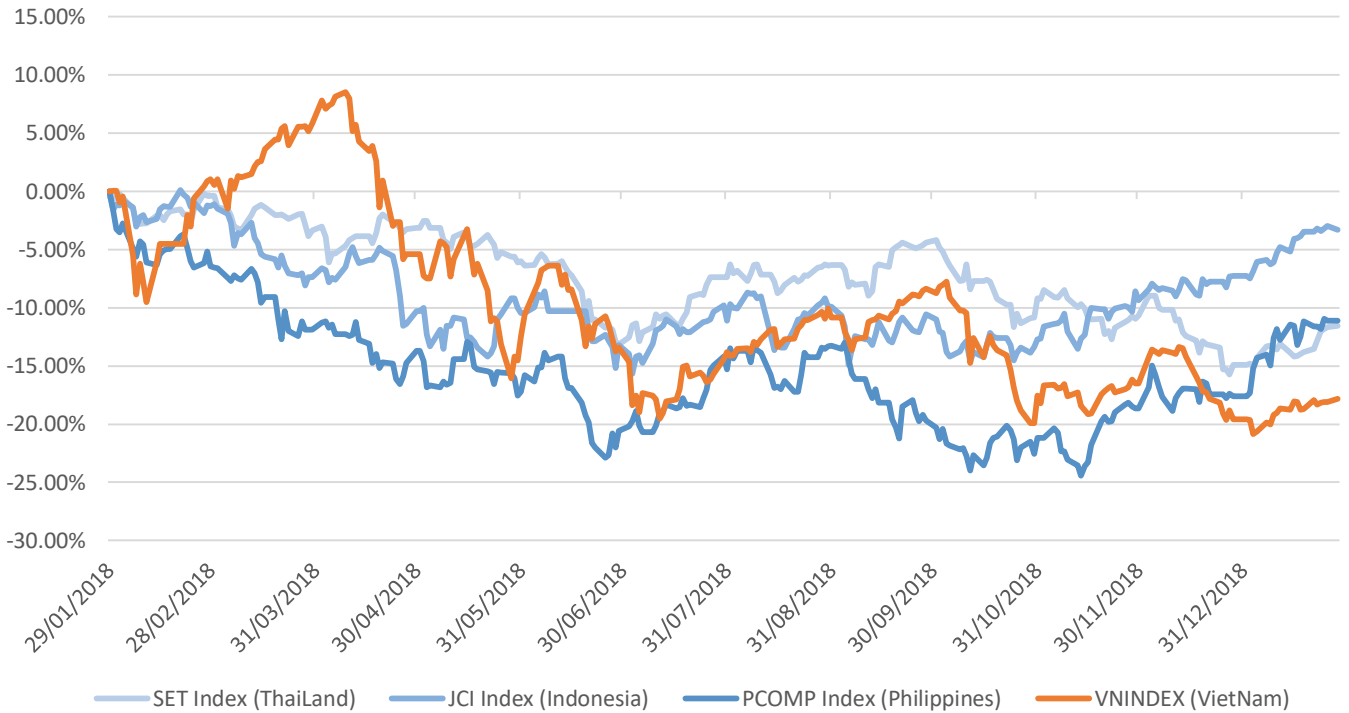


Nguồn: FimPro – YSVN



We Create Fortune

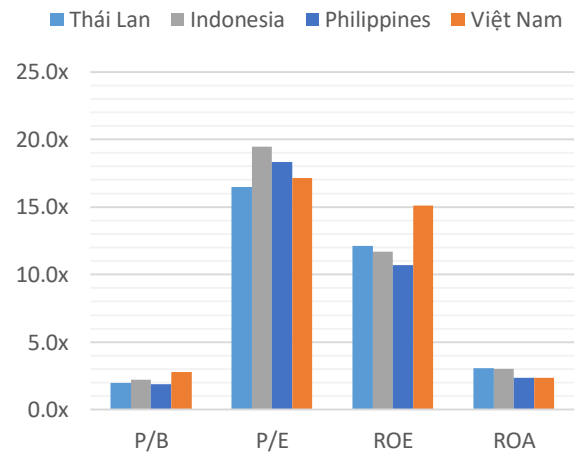
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written